

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 45/2019/DS-ST

Ngày: 30/12/2019

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Ngọc Hương**

Bà **Võ Thị Diệu Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy Triều** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C tham gia phiên tòa:

Ông **Bùi Văn Khánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 23/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ: Tòa nhà CC5 bán đảo L – quận H– TP. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Phước Th - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C Thành phố CR (đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C). Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Hộ gia đình do bà Phan Thị Đ là chủ hộ.

Địa chỉ: TDP LT – Phường CL – Tp. C – Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Ngọc Th. Địa chỉ: TDP LT – Phường CL – Tp. C – Khánh Hòa là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 13/11/2019). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Huỳnh Ngọc T1, Huỳnh Ngọc Th và Huỳnh Ngọc T2; Địa chỉ: TDP LT – Phường CL – Tp. C – Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 20/11/2007, hộ gia đình bà Phan Thị Đ được Ngân hàng C thành phố CR cho vay vốn chương trình "Học sinh, sinh viên có hoàn

cảnh khó khăn” theo quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ. Gồm có:

- Sinh viên Huỳnh Ngọc Th, mã món vay 6000004000028954 số tiền 32.600.000 đồng nhận theo các kỳ, lãi phát sinh 20.221.880 đồng (đã trả 3.000.000 đồng, hiện còn nợ lãi 17.221.880 đồng). Hạn trả nợ ngày 31/8/2016.

- Sinh viên Huỳnh Ngọc T1, mã món vay 6000004000028955 số tiền 32.600.000 đồng nhận theo các kỳ, lãi phát sinh 16.462.027 đồng. Hạn trả nợ ngày 31/8/2016.

Hai khoản nợ trên đã được gia hạn nhiều lần: lần 1 ngày 08/9/2016, lần 2 ngày 08/8/2017, lần 3 ngày 08/02/2018 với hạn trả cuối cùng là ngày 08/7/2018. Đến nay hai khoản nợ trên đã quá hạn, với số nợ gốc 65.200.000 đồng và lãi phát sinh 36.683.907 đồng. Mặc dù Ngân hàng C đã nhiều lần đôn đốc gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhưng hộ bà Đ vẫn không hợp tác trả nợ.

Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà Phan Thị Đ phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay vốn chương trình “Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn” tính đến ngày 20/6/2019 là 101.883.907 đồng (Trong đó nợ gốc 65.200.000 đồng, lãi 36.683.907 đồng) và toàn bộ nợ lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ vay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận số nợ của hộ bà Phan Thị Đ tính đến ngày 30/12/2019 là 104.312.302 đồng (trong đó nợ gốc: 65.200.000 đồng, nợ lãi 39.112.302 đồng).

(Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ pháp lý của ngân hàng C và hồ sơ tín dụng của hộ bà Phan Thị Đ, các bản sao kê tiền tiết kiệm, bản tính lãi).

Bị đơn – bà Phan Thị Đ chủ hộ gia đình trình bày: Tôi xác nhận có vay của Ngân hàng C – Chi nhánh CR. Tổng dư nợ gốc là 65.200.000 đồng là đúng. Vay để hỗ trợ việc học cho sinh viên tên Huỳnh Ngọc Th và Huỳnh Ngọc T1. Tuy nhiên, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chúng tôi không đồng ý với số liệu khởi kiện do nguyên đơn trình bày. Tôi đề nghị Ngân hàng C tính toán lại số liệu cho rõ ràng, chúng tôi không tranh chấp gì việc trả tiền cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chúng tôi đã nhiều lần có văn bản đề nghị trả lời vấn đề này. Ngày 24/8/2018, phía Ngân hàng có văn bản số 163/NHCSCR nhưng chúng tôi không đồng ý vì không thỏa đáng.

(Phía bị đơn đã cung cấp một số công văn giao dịch giữa hai bên).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Th, Huỳnh Ngọc T2 và Huỳnh Ngọc T1 thống nhất với ý kiến của bà Phan Thị Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền gốc, lãi tính đến ngày 30/12/2019 là: 104.312.302 đồng (trong đó nợ gốc: 65.200.000 đồng, nợ lãi 39.112.302 đồng) và các khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 30/12/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí: bị đơn chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Mặt khác, nguyên đơn do ông Huỳnh Ngọc Th đại diện theo ủy quyền có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[1.2] Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2019 do ông Huỳnh Ngọc Th ký với tư cách đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Đ có đề cập đến đề nghị giám định và xác minh lại chữ ký của bà Phan Thị Đ trong tất cả các chứng cứ của Ngân hàng chính sách xã hội cung cấp. Để giải quyết yêu cầu này của bị đơn, ngày 26/11/2019 và 29/11/2019 Tòa án nhân dân Thành phố CR đã nhiều lần yêu cầu bà Phan Thị Đ làm đơn yêu cầu giám định để xác định rõ tài liệu cần giám định cũng như cung cấp mẫu chữ ký làm cơ sở cho việc giám định. Ngày 29/11/2019, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để có thời gian xem xét yêu cầu giám định của bà Đ. Ngày 27/12/2019, Tòa án cũng triệu tập bà Đ cung cấp mẫu chữ ký để phục vụ cho yêu cầu giám định cũng như làm việc để xác định yêu cầu giám định nhưng bà Đ không chấp hành. Như vậy, không có cơ sở để xem xét, giải quyết yêu cầu giám định của bà Đ.

Về nội dung, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2019 do ông Huỳnh Ngọc Th ký với tư cách đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Đ cũng đã thống nhất với khoản nợ gốc theo trình bày của phía Ngân hàng là đúng, chỉ không đồng ý về khoản tiền lãi của phía ngân hàng và tiền lãi tiết kiệm của bà Đ. Như vậy, việc giám định chữ ký của bà Đ trong các hợp đồng tín dụng là không cần thiết.

[1.3] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà Phan Thị Đ trả lại số nợ (gốc + lãi) đã vay nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn là hộ gia đình do bà Phan Thị Đ là chủ hộ, các thành viên khác của hộ gia đình gồm có Phan Ngọc Th, Phan Ngọc T1 và Phan Ngọc T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, hộ gia đình bà Phan Thị Đ có vay vốn chương trình “Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn” Ngân hàng C – Chi nhánh CR, vay để hỗ trợ việc học cho sinh viên tên Huỳnh Ngọc Th (mã món vay 6000004000028954) và Huỳnh Ngọc T1 (mã món vay 6000004000028955) với số nợ gốc là 65.200.000 đồng từ ngày 20/11/2007. Hai khoản nợ đã được phía Ngân hàng cho gia hạn nhiều lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/7/2018. Sau đó hộ vay không trả nợ vay như cam kết, nay khoản nợ gốc còn lại là 65.200.000 đồng. Xét các giấy đề nghị vay vốn là hình thức thể hiện của các hợp đồng tín dụng được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn vi phạm hợp đồng, không trả tiền. Do vậy, nguyên đơn có quyền khởi kiện để yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền vay (gốc, lãi) theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là phù hợp nên chấp nhận. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, phía bà Phan Thị Đ có gửi tiền tiết kiệm. Khoản tiền lãi tiết kiệm đã được phía Ngân hàng sao kê, tính toán đầy đủ. Phía Ngân hàng cũng không có ý kiến gì về khoản tiền tiết kiệm hiện còn của hộ bà Phan Thị Đ nên không xét. Về khoản tiền lãi, cũng được nguyên đơn sao kê tính toán rõ ràng theo hợp đồng ký kết. Về các thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 30/12/2019 là: 104.312.302 đồng (trong đó nợ gốc: 65.200.000 đồng, nợ lãi 39.112.302 đồng). Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 31/12/2019 đến khi trả dứt nợ.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ cụ thể, theo kết quả xác minh tại địa phương thì hộ gia đình bà Phan Thị Đ gồm có 04 thành viên: Phan Thị Đ, Huỳnh Ngọc T2, Huỳnh Ngọc Th và Huỳnh Ngọc T1, bà Phan Thị Đ là chủ hộ. Theo quy định tại điều 2 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên thì đối tượng cho vay của chương trình là thành viên của hộ gia đình. Xét bà Đ tham gia chương trình vay vốn với tư cách đại diện hộ gia đình nên nghĩa vụ trả nợ vay thuộc về toàn bộ các thành viên trong hộ gia đình với trách nhiệm liên đới.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5.216.615 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 52, 54, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 106, 107, 110 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 103, 288, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
- Điều 92, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là hộ gia đình (gồm có các thành viên là Phan Thị Đ, Huỳnh Ngọc T2, Huỳnh Ngọc T1 và Huỳnh Ngọc Th) do bà Phan Thị Đ là chủ hộ phải liên đới trả cho Ngân hàng C tiền (gốc + lãi) tính đến ngày 30/12/2019 là 104.312.302 đồng (*bằng chữ: một trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười hai ngàn, ba trăm lẻ hai đồng*) (trong đó nợ gốc: 65.200.000 đồng, nợ

lãi 39.112.302 đồng). Ngoài ra bị đơn còn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng (gồm mã món vay 6000004000028954 và 6000004000028955) đã ký kết tính từ ngày 31/12/2019 đến khi trả dứt nợ.

2. Án phí: Bị đơn bà Phan Thị Đ phải chịu án phí là 5.216.615 đồng (*bằng chữ: Năm triệu, hai trăm mười sáu ngàn, sáu trăm mười lăm đồng*).

3. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Đường sự;
- THADS Tp. C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu